

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC - TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Ba và ông Hoàng Văn Khảm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 290/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1984. Có mặt

HKTT: Thôn Tr, xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

Địa chỉ: Số 8 L, phường Ng, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1984. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Tr, xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2020, bản tự khai nguyên đơn chị Vũ Thị Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn ngày 04/3/2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Yên Lạc. Trước khi cưới được tự do tìm hiểu, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau trong Sài Gòn, được khoảng 4 năm thì về sinh sống tại xã Đ. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2019 thì

bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S không chịu chín chu làm ăn, chơi bời, rượu chè gây ra cãi chửi nhau. Đến tháng 5 năm 2019, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân cho đến nay. Chị hiện đã ra ngoài Vĩnh Yên sinh sống và làm quán ăn. Trong thời gian này, hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Chị và anh S có 2 con chung là cháu Nguyễn Vũ TA, sinh ngày 11/02/2006 và cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 30/8/2007, hiện cháu TA đang ở cùng anh S và ông bà nội, cháu B đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị giải quyết để chị được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu B, anh S nuôi cháu TA. Không ai phải đóng góp nuôi con.

Về tài sản và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, và quá trình hòa giải tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh S xác định quá trình anh và chị Q kết hôn và chung sống như chị Q trình bày là đúng.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do hai vợ chồng bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay, không ai còn tình cảm gì với nhau. Vì vậy, chị Q xin ly hôn anh cũng đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không giải quyết được.

Về con chung: Anh và chị Q có 2 con chung là cháu Nguyễn Vũ TA, sinh ngày 11/02/2006 và cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 30/8/2007. Ly hôn anh đề nghị giải quyết để anh nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai cháu, anh không yêu cầu chị Q phải đóng góp nuôi con. Hiện nay anh đang làm nghề tự do nhưng thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đồng/1 tháng nên anh đủ khả năng để nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu.

Về tài sản và công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Xác minh tại UBND xã Đ thể hiện: Anh S và chị Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã, quá trình sinh sống tại địa phương giữa anh chị có mâu thuẫn, đến khoảng tháng 5/2020 thì chị Q không còn sinh sống cùng với anh S tại địa phương nữa. Chị Q và anh S có hai người con chung là cháu Nguyễn Vũ TA, sinh ngày 11/02/2006 và cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 30/8/2007. Cháu TA đang ở cùng anh S và ông bà nội là ông Q và bà N, cháu B thì ở cùng với chị Q. Anh S hiện làm nghề tự do, thường xuyên vào miền Nam làm ăn kinh tế.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị Q, xử cho chị Vũ Thị Q ly hôn anh Nguyễn Văn S; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ TA cho anh Nguyễn Văn S, giao cháu Nguyễn Đức B cho chị Vũ Thị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau; Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Q có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình, hiện anh S đang sinh sống tại xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết, ngày 08/02/2021, chị Q và anh S đã thống nhất thuận tình ly hôn, ngày 17/02/2021 chị Q có yêu cầu thay đổi sự thỏa thuận nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định. Anh S đã được triệu tập hợp lệ 02 lần mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Chị Vũ Thị Q và anh Nguyễn Văn S được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 04/3/2005. Do vậy quan hệ hôn nhân của chị Q, anh S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Q và anh S đều xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung nên anh chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh S và chị Q có hai con chung là cháu Nguyễn Vũ TA, sinh ngày 11/02/2006 và cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 30/8/2007. Khi ly thân chị Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu B, còn cháu TA đang ở cùng anh S và ông bà nội. Anh S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai cháu, không yêu cầu chị Q phải đóng góp nuôi con. Chị Q đề nghị giải quyết để chị nuôi dưỡng và chăm sóc cháu B, anh S nuôi dưỡng và chăm sóc cháu TA, không ai phải đóng góp nuôi con. Qua xác minh thể hiện: Hiện nay chị Q đang làm nghề buôn bán có thu nhập ổn định, anh S cũng có công việc và có thu nhập, nên cả hai anh chị đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc các con.

Cháu TA có nguyện vọng được ở cùng bố và ông bà nội để cháu tiếp tục đi học, cháu B xác định ở với bố hay ở với mẹ thì cháu đều đồng ý. Hiện nay, cháu TA đang sinh sống và học tập tại xã Đ, huyện Yên Lạc, cháu B sinh sống cùng chị Q tại phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên và đang học tại Trường cấp 2 Tô Hiệu thành phố Vĩnh Yên.

Do vậy để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho các cháu, tránh sự xáo trộn cần giao cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu B, anh S tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu TA. Anh S và chị Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và được quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị Q, anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Q xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ vợ chồng:* Cho chị Vũ Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Vũ Thị Q tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 30/8/2007, anh Nguyễn Văn S tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Vũ TA, sinh ngày 11/02/2006. Anh S và chị Q không phải

cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và được quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Vũ Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2020/0000110 ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị Q đã thực hiện xong án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Vũ Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hưng